

**BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ BỔ SUNG**

(Ban hành kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Vũng Tàu)

Công trình: Đường Biệt chính 2, thành phố Vũng Tàu

Số TT	NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT	ĐỊA CHỈ nơi thu hồi đất	DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÃ THU HỒI (m <sup>2</sup> )	DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÃ BỒI THƯỜNG (m <sup>2</sup> )	DIỆN TÍCH ĐẤT BỒI THƯỜNG BỔ SUNG (m <sup>2</sup> )	PHÂN LOẠI ĐẤT		CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG				CÁC KHOẢN HỖ TRỢ KHÁC		TỔNG CỘNG	GHI CHÚ
						ĐẤT Ở	NÔNG NGHIỆP	ĐẤT	HOA MÀU	NHÀ, VKT	BỒI THƯỜNG KHÁC	NHÀ, VKT	KHÁC (THUÊ NHÀ)		
1	Ông (bà) Phan Trương Đình Huy - Nguyễn Thị Hồng Tuyên	47 Hàn Thuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu.	110,90	110,90	93,40	93,40	0,00	1.779.737.000	Bồi thường bổ sung chênh lệch giá đất ở và giá đất nông nghiệp đối với diện tích 93,40/110,90m <sup>2</sup> đất (đã bồi thường theo giá đất nông nghiệp); Giao 01 lô đất TĐC (thay thế 01 lô đất ở mới đã giao) theo Quyết định số 4757/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Trương Đình Huy (lần đầu).				1.779.737.000	Giao 01 lô đất TĐC (thay thế 01 lô đất ở mới đã giao)	
2	Ông (bà) Trần Ngọc Tăng - Lê Thị Tiên	35A Dương Văn Nga, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu	106,80	106,80	38,40	38,40	0,00	731.712.000	Bồi thường bổ sung chênh lệch giá đất ở và giá đất nông nghiệp đối với diện tích 38,40/106,80m <sup>2</sup> đất (đã bồi thường theo giá đất nông nghiệp) theo Quyết định số 5080/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Ngọc Tăng (lần đầu).				731.712.000		
3	Ông Trần Ngọc Thịnh	35 Dương Văn Nga, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu.	160,80	160,80	0,00	0,00	0,00	0	Giao bổ sung 01 lô đất TĐC cho ông Trần Ngọc Thịnh và giao 01 lô đất ở cho ông Trần Ngọc Cường (anh trai ông Thịnh) theo Quyết định số 5522/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Ngọc Thịnh (lần đầu).				0	Giao 01 lô TĐC và 01 lô đất ở	
4	Ông (bà) Nguyễn Văn Long - Nguyễn Thị Mỹ	54/49 Hàn Thuyên, Phường 10, TP. Vũng Tàu.	176,50	176,50	18,00	18,00	0,00	91.080.000	Bồi thường bổ sung chênh lệch giá đất ở và giá đất nông nghiệp đối với diện tích 18,0/176,50m <sup>2</sup> đất (đã bồi thường theo giá đất nông nghiệp) theo Quyết định số 7523/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Long (lần đầu).				91.080.000		

5	Ông (bà) Trần Minh Trí - Dương Thị Hạnh	60/1 Hàn Thuyên, Phường 10, TP. Vũng Tàu.	88,70	86,20	46,20	46,20	0,00	414.321.600	Bồi thường bổ sung chênh lệch giá đất ở và giá đất nông nghiệp đối với diện tích 46,20/86,20m <sup>2</sup> đất (đã bồi thường theo giá đất nông nghiệp) theo Quyết định số 8431/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Minh Trí (lần đầu).	414.321.600				
6	Bà Kim Thị Tính (hỗ trợ bổ sung)	60/9 Hàn Thuyên, Phường 10, TP. Vũng Tàu	86,60	86,60	0,00	0,00	0,00	Tính hỗ trợ bổ sung tiền thuê nhà 06 tháng, trước đây chưa tính tại Quyết định số 14557/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Vũ Đức Văn - Kim Thị Tính (đã được giao 01 lô đất ở nhưng chưa tính tiền thuê nhà theo quy định)	16.320.000	16.320.000				
7	Ông (bà) Nguyễn Văn Tuấn - Đào Thị Miên	Hẻm 60 Hàn Thuyên, Phường 10, TP. Vũng Tàu.	104,70	103,80	103,80	103,80	0,00	930.878.400	Bồi thường bổ sung chênh lệch giá đất ở và giá đất nông nghiệp đối với diện tích 103,8m <sup>2</sup> đất đủ điều kiện bồi thường (đã bồi thường theo giá đất nông nghiệp) theo Văn bản số 293/UBND-TNMT ngày 10/01/2024 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc xác định lại diện tích đất ở đối với diện tích 103,80/104,7m <sup>2</sup> đất đã thu hồi, bồi thường liên quan đến đơn khởi kiện quyết định hành chính của ông (bà) Nguyễn Văn Tuấn - Đào Thị Miên.	930.878.400				
<b>TỔNG CỘNG:</b>			<b>835,00</b>	<b>831,60</b>	<b>299,80</b>	<b>299,80</b>	<b>0,00</b>	<b>3.947.729.000</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>16.320.000</b>	<b>3.964.049.000</b>

* Diện tích đất đã thu hồi	:	835,00	m <sup>2</sup> .
* Diện tích đất đã bồi thường	:	831,60	m <sup>2</sup> .
* Diện tích đất được tính bồi thường bổ sung chênh lệch giá đất ở và giá đất nông nghiệp	:	299,80	m <sup>2</sup> (đất ở)
* Số hộ dân được tính bồi thường, hỗ trợ bổ sung	:	07	hộ dân
* Số hộ được giao đất tái định cư	:	02	hộ dân (01 hộ thay thế 01 lô đất ở mới đã giao)
* Số hộ được giao đất ở	:	01	hộ dân
<b>a) Giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho các hộ dân</b>	:	<b>3.964.049.000</b>	<b>đồng</b>
- Kinh phí bồi thường:	:	3.947.729.000	đồng;
+ Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất	:	3.947.729.000	đồng;
+ Bồi thường hoa màu, cây trái	:	0	đồng;
+ Bồi thường nhà, VKT	:	0	đồng;

+ Bồi thường khác	:	0	đồng;
- Kinh phí hỗ trợ:	:	16.320.000	đồng;
+ Hỗ trợ nhà, VKT	:	0	đồng;
+ Hỗ trợ khác	:	16.320.000	đồng;
<b>b) Kinh phí 2% phục vụ BTGPMB (a) x 2%</b>	:	<b>79.280.980</b>	<b>đồng;</b>
<b>* Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ (a) + (b)</b>	:	<b>4.043.329.980</b>	<b>đồng.</b>

*(Bằng chữ: Bốn tỷ, không trăm bốn mươi ba triệu, ba trăm hai mươi chín ngàn, chín trăm tám mươi đồng)*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trọng Thụy**





